TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 427/2020/DS-ST
Ngày: 09-9-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huyền Tôn Nữ Kiều Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Mây;
2. Ông Võ Văn Tốt;

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lê, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Trương Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 252/2020/TLST–DS ngày 17 tháng 3 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 525/2020/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1975

Thường trú: 44/25 đường 17, Phường 11, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên lạc: 30/5 đường HT31, Tổ 7A, Khu phố 1, phường HT, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

(Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Đoàn Thị Th, sinh năm: 1973

Thường trú: 30/17 đường HT31, Khu phố 1, phường HT, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

Tạm trú: 58/34, Tổ 5, Khu phố 4, phường TCH, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

(Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Xuân K, sinh năm 1969

Thường trú: 44/25 đường 17, Phường 11, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên lạc: 30/5 đường HT31, Tổ 7A, Khu phố 1, phường HT, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

(Có đơn xin vắng mặt)

- Ông Đoàn Văn Ch, sinh năm 1971

Thường trú: Xã YD, huyện YY, tỉnh Nam Định

Tạm trú: 58/34, Tổ 5, Khu phố 4, phường TCH, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

(Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Về nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 3 năm 2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày như sau:

Do có quan hệ là hàng xóm, từ năm 2011, Bà Nguyễn Thị T đã nhiều lần cho Bà Đoàn Thị Th vay mượn tiền với lãi xuất 1%/tháng, khi Bà Th trả xong nợ thì Bà T xé bỏ tờ giấy vay tiền cũ. Tính đến ngày 05/9/2018, Bà Th nợ Bà T 500.000.000 đồng. Số tiền này Bà T viết vào giấy vay nợ năm 2017 và xé bỏ giấy vay nợ năm 2018 vì năm 2018 có 03 tờ giấy vay và giấy vay năm 2017 còn chỗ trống. Bà T không nhớ rõ tại sao trong giấy vay nợ năm 2017 có hàng chữ "Đến 8/9/2018 còn 400.000.000", bà cho rằng mình ghi nhầm năm, năm này là năm 2017.

Ngày 15/12/2018, Bà Th trả cho Bà T 200.000.000 đồng, ngày 15/01/2019, trả thêm 200.000.000 đồng. Như vậy, Bà Th còn nợ Bà T 100.000.000 đồng. Bà Th cho rằng chỉ nợ 400.000.000 đồng và đã trả hết nợ cho bà nhưng khi bà nhắn tin đòi tiền lãi của 500.000.000 đồng thì Bà Th không phản đối.

Tại phiên tòa, Bà T trình bày: Từ năm 2011 đến năm 2018 Bà Th chỉ còn nợ bà 100.000.000 đồng trong vụ kiện này, không còn khoản nợ nào khác. Ngoài giấy vay năm 2017 đang nộp tại Tòa trong vụ kiện này, bà không còn giữ giấy vay nào nữa.

Nay Bà Nguyễn Thị T yêu cầu Bà Đoàn Thị Th trả lại cho bà số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi 16 tháng (Tính từ tháng 12/2018 đến tháng 3/2020) là 16.000.000 đồng, tổng cộng là 116.000.000 đồng.

* Về ý kiến, đề nghị của bị đơn:

Tại bản tự khai ngày 23 tháng 7 năm 2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn trình bày:

Bà Đoàn Thị Th xác nhận mối quan hệ giữa hai bên và việc vay mượn tiền nhiều lần như Bà Nguyễn Thị T đã trình bày. Tuy nhiên, quá trình vay mượn và trả nợ có khác so với trình bày của nguyên đơn.

Theo Bà Đoàn Thị Th, ngày 12/4/2018, bà vay của Bà T 230.000.000 đồng, cộng với nợ cũ năm 2017 là 70.000.000 đồng thành 300.000.000 đồng. Ngày 08/5/2018, bà vay thêm 100.000.000 đồng, tổng cộng là 400.000.000 đồng. Ngày 06/7/2018, bà trả cho Bà Th 100.000.000 đồng, số nợ còn lại là 300.000.000 đồng. Ngày 05/9/2018, bà vay thêm 100.000.000 đồng, tổng số tiền vay là 400.000.000 đồng. Bà T không ghi tiếp số tiền vay này vào giấy vay năm 2018 mà lại chuyển sang ghi vào giấy vay năm 2017 và ghi thành 500.000.000 đồng. Việc vay và trả đều được Bà T ghi vào giấy vay năm 2018 nhưng Bà T không cho bà xem giấy này nên bà không kịp cộng số tiền còn nợ Bà T và ký nhận vào giấy vay năm 2017. Về nhà, bà tìm lại giấy tờ ghi chú số tiền vay và trả nên ngày 08/9/2018, khi lên trả tiền lãi của những khoản vay trước bà đã yêu cầu Bà T sửa lại cho đúng số tiền bà còn nợ là 400.000.000 đồng. Bà T đã ghi thêm lên trên ngày 05/9/2018 câu "Đến ngày 08/9/2018 còn 400.000.000". Do không còn chỗ ký nên ngày 08/9/2018 bà không ký vào chỗ ghi thêm sửa chữa của Bà T mà xem như chữ ký của ngày 05/9/2018 cũng là chữ ký của ngày 08/9/2018.

Ngày 15/12/2018, bà trả cho Bà T 200.000.000 đồng. Khi ký vào giấy vay, cả hai nói chuyện với nhau và Bà T che phần trên của giấy, bà chỉ thấy giấy ghi 200.000.000 đồng, bà tưởng đây là số tiền còn nợ nên bà ký mà không rõ nội dung. Khi mới ký chưa kịp viết họ tên thì Bà T giật tờ giấy đem cất vào tủ. Lúc này bà thấy có chữ 300.000.000 đồng nên bà yêu cầu Bà T sửa lại cho đúng. Bà T nói là "giấy trắng mực đen". Bà chỉ nghĩ, Bà T có xác nhận đến 08/9/2018 là 400.000.000 đồng tức là cũng "giấy trắng mực đen" nên bà ra về. Sau đó, bà nhiều lần yêu cầu Bà T sửa lại cho đúng nhưng Bà T không sửa.

Ngày 15/01/2019, bà đến trả số nợ còn lại là 200.000.000 đồng. Bà T ghi vào giấy 2017 là còn nợ 100.000.000 đồng nên bà không đồng ý vì bà đã trả đủ nợ. Hai bên xảy ra cãi vả, bà yêu cầu Bà T lấy giấy vay năm 2018 ra đối chiếu nhưng Bà T nói đã xé bỏ. Sau đó, Bà T đồng ý viết vào tờ giấy khác đã nhận 200.000.000 đồng. Bà yên tâm đã trả đủ nợ thì Bà T mới viết cho bà giấy nhận tiền mới.

Nay bà không đồng ý yêu cầu của Bà T vì bà đã trả hết nợ.

* Tại bản tự khai ngày 23 tháng 7 năm 2020, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ông Lê Xuân K trình bày như sau: Ông là chồng của Bà Nguyễn Thị T. Số tiền mà Bà T cho Bà Th vay là tài sản chung của vợ chồng, quá trình cho vay nhiều lần giữa Bà T và vợ chồng Bà Th ông không can thiệp. Ý kiến của vợ ông là Bà T cũng là ý kiến của ông.

* Tại bản tự khai ngày 23 tháng 7 năm 2020, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ông Đoàn Văn Ch trình bày như sau: Ông hoàn toàn đồng ý với ý kiến của vợ ông là Bà Đoàn Thị Th.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thủ tục khởi kiện và thụ lý vụ án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật. Việc tống đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra còn nhận xét về việc tham gia tố tụng của các đương sự. Viện kiểm sát không có kiến nghị về việc khắc phục vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Bà T cho rằng câu: " Đến 8/9/2018 còn 400.000.000" là câu ghi của năm 2017 nhưng không có chứng cứ thể hiện việc vay thêm nợ so với số nợ gốc của giấy vay năm 2017 là mâu thuẫn, Bà T không ghi nhầm năm như bà đã trình bày. Cả hai bên đương sự đều thừa nhận từ ngày 08/9/2018, Bà Th không còn khoản vay thêm nào khác. Như vậy, từ ngày 08/9/2018, số nợ còn lại là 400.000.000 đồng. Tại phiên tòa, Bà T cũng xác nhận khi Bà Th vay tiền thì bà yêu cầu Bà Th phải ký và ghi rõ họ tên, giấy này bà giữ nên bà yên tâm không ký vào. Trình bày của bị đơn về việc trả tiền ngày 15/12/2018 là có căn cứ và phù hợp với trình bày của nguyên đơn về việc ký xác nhận. Như vậy, ngày 15/12/2018 Bà Th đã trả 200.000.000 đồng, còn lại 200.000.000 đồng. Ngày 15/01/2019, Bà Th trả 200.000.000 đồng nhưng không ghi vào giấy vay năm 2017 mà Bà T ghi riêng vào tờ giấy khác đã thể hiện Bà Th đã trả hết nợ có sự đồng ý của Bà T. Bà T còn trình bày bà không nhớ chính xác những lần vay tiền của Bà Th mà chỉ căn cứ vào giấy vay nợ năm 2017 để đòi nợ nên trình bày của bà về những lần vay trả là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Đây là "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản", bị đơn cư trú tại Quận 12 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ông Lê Xuân K và Ông Đoàn Văn Ch có đơn xin vắng mặt nên theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Ông K và Ông Ch.

[3] *Về yêu cầu của các đương sự:*

Tại "Giấy vay tiền" năm 2017, cả hai bên đều thừa nhận chữ "Hôm nay 5/9/2018 lấy thêm 100.000 Tổng cộng 500.000.000 (Năm trăm triệu)" do Bà Nguyễn Thị T viết và Bà Đoàn Thị Th ký ghi rõ họ tên. Mặc dù nguyên đơn không cung cấp được giấy vay tiền năm 2018 nhưng thừa nhận của các bên là có cơ sở. Căn cứ Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015, xác định các bên có xác lập giao dịch vay tài sản, ngày 05/9/2018 Bà Th có nhận nợ 500.000.000 đồng đối với Bà T.

Bà T cũng thừa nhận chính mình viết câu "Đến 8/9/2018 còn 400.000.000" nhưng bà nhầm năm 2017 chứ không phải năm 2018. Bà trình bày, không có chữ ký của Bà Th sau câu này nên bà không thừa nhận Bà Th còn nợ bà 400.000.000 đồng. Trình bày này của bà không có cơ sở, bởi lẽ, "Giấy vay tiền" năm 2017 còn thể hiện sau những chữ viết của Bà T "8/1 trả 50, 10/2 trả 100 còn lại 70" không có chữ ký của Bà Th. Khi bà tự viết đã thể hiện ý chí của chính bà, không bị ai ép buộc.

Tại phiên tòa, Bà T trình bày, việc vay và trả tiền đều được ghi vào giấy. Tuy nhiên, giấy vay tiền đánh máy ngày 08/9/2017 chỉ ghi nhận số tiền vay là 220.000.000 đồng. Bên dưới có ghi "8/1 trả 50, 10/2 trả 100, còn lại 70". Câu "Đến 8/9/2018 còn 400.000.000" là ghi nhầm của năm 2017 như bà trình bày sẽ có 02 khoản vay trong cùng ngày 08/9/2017 nhưng ghi cách xa nhau và ở giữa có ghi 03 ngày trả là không hợp lẽ. Khoản vay 220.000.000 đồng được đánh máy với nội dung đầy đủ nhưng khoản vay 400.000.000 đồng là nhiều tiền hơn lại chỉ ghi ngắn gọn là vô lý.

Bà T cho rằng khi bà nhắn tin ngày 12/12/2018 đòi tiền lãi cho số nợ 500.000.000 đồng thì Bà Th đồng ý chứ không phản đối. Ngược lại, Bà Th trình bày, bà đồng ý là quên trả lãi chứ không phải đồng ý nợ 500.000.000 đồng. trình bày của hai bên đều có lý lẽ riêng của mình nên tin nhắn này không thể xác định Bà Th còn nợ Bà T 500.000.000 đồng.

Như vậy, các lời khai của nguyên đơn đều mâu thuẫn. Ngược lại, lời khai của bị đơn về sự nhầm lẫn số tiền nợ, yêu cầu sửa chữa, ký xác nhận như trình bày ở phần nội dung là hợp lý, phù hợp với chứng cứ nên có cơ sở chấp nhận. Căn cứ vào Điều 404 Bộ luật Dân sự năm 2015, xác định, đến ngày 08/9/2018, Bà Th còn nợ Bà T 400.000.000 đồng như câu ghi của chính Bà T "Đến 8/9/2018 còn 400.000.000".

Tại phiên tòa, Bà T trình bày, các khoản nợ từ năm 2011 đến năm 2018 của Bà Th chỉ còn lại 100.000.000 đồng. Nguyên đơn xác định các giấy vay tiền từ năm 2011 đến năm 2018 đã bị xé bỏ, chỉ còn lại duy nhất một "Giấy vay tiền" năm 2017. Giấy vay tiền năm 2017 thể hiện, khi vay hay trả nợ đều được chính Bà T ghi chú vào giấy vay. Tại mặt sau của "Giấy vay tiền" năm 2017 có ghi "Hôm nay 15/12/2018 trả lại 200.000.000 (Hai trăm triệu) còn lại 300.000.000 (Ba trăm triệu) Ngày tính 15/12/2018." Từ ngày 08/9/2018 đến 15/12/2018, Bà T không ghi chú thêm khoản nợ nào vào giấy vay nhưng khi Bà Th trả nợ ngày 15/12/2018 thì Bà T ghi còn lại 300.000.000 đồng là mâu thuẫn với số tiền nợ ngày 08/9/2018. Đồng thời, tại phiên tòa, các bên đều xác nhận có cãi nhau về

số tiền nợ còn lại. Tại phiên tòa, Bà T cũng xác nhận khi Bà Th vay tiền thì bà yêu cầu Bà Th phải ký và ghi rõ họ tên, giấy này bà giữ nên bà yên tâm không ký vào nhưng ngày 15/12/2018, Bà Th chỉ ký không ghi rõ họ tên và Bà T lại ký vào phần này là mâu thuẫn. Do đó, trình bày của Bà Th như phần nội dung nêu trên về việc khi ký không thấy rõ số tiền còn nợ, chưa kịp ghi họ tên thì bị Bà T giật giấy cũng như việc Bà Th yêu cầu Bà T sửa lại số tiền là có cơ sở, phù hợp với sự việc thực tế xảy ra vào ngày 15/12/2018. Xác định, ngày 15/12/2018 Bà Th đã trả thêm 200.000.000 đồng, còn nợ Bà T 200.000.000 đồng.

Ngày 15/01/2019, Bà Th trả cho Bà T 200.000.000 đồng. Bà Th trình bày, do có tranh cãi về số tiền còn nợ nên bà không đồng ý việc Bà T nói bà còn nợ 100.000.000 đồng và yêu cầu Bà T viết vào giấy nhận tiền mới. Bà T thừa nhận có viết giấy nhận tiền riêng ngày 15/01/2019. Như vậy xác định, này 15/01/2019 Bà Th có trả cho Bà T 200.000.000 đồng.

Phần ghi ngày 15/01/2019 tại bản chính do nguyên đơn cung cấp cũng thể hiện Bà Th "trả lãi 2 triệu" tức là ý chí của Bà Th về số nợ không thay đổi từ ngày 08/9/2018, Bà Th luôn nghĩ tính đến ngày 15/01/2019 Bà Th chỉ còn nợ Bà T 200.000.000 đồng. Việc Bà T ghi giấy nhận tiền ngày 15/01/2019 vào tờ giấy mới cũng chứng tỏ bà đồng ý với trình bày của Bà Th về số nợ còn lại vào chính thời điểm bà viết giấy này.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào các điều 280 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, xác định Bà Đoàn Thị Th đã trả hết các khoản nợ cho Bà Nguyễn Thị T. Bác yêu cầu đòi 100.000.000 đồng của Bà T.

Do xác định Bà Th không còn nợ tiền Bà T nên bác yêu cầu đòi tiền lãi 16.000.000 đồng của nguyên đơn.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Nguyên đơn phải chịu án phí là: 5% x 116.000.000 đồng = 5.800.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 280, 404, 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008,

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc yêu cầu Tòa án buộc Bà Đoàn Thị Th trả cho Bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng và số tiền lãi 16.000.000 (Mười sáu triệu) đồng, tổng cộng 116.000.000 (Một trăm mười sáu triệu) đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu 5.800.000 (Năm triệu tám trăm ngàn) đồng tiền án phí. Khấu trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0108700 ngày 17 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Bà T phải nộp thêm 2.900.000 (Hai triệu chín trăm ngàn) đồng.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huyền Tôn Nữ Kiều Hạnh